

Bản án số: 30/2018/HS-PT

Ngày 31 – 8 – 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nông Biên Hòa

*Các Thẩm phán:* Bà Lưu Thu Giang

Ông Mã Văn Quân

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Hằng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Bà Nông Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Nông Văn V và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2018/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Cao Bằng.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

1. Nông Văn V, sinh năm 1988 tại xã Đ, huyện L, tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: xóm C, xã Đ, huyện L, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Lô Lô; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H1 (đã chết) và bà Châu Thị H2, sinh năm 1956; có vợ: Hoàng Thị H3, sinh năm 1990 và có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 21/3/2018. Hiện nay đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

2. Tô Văn T, sinh năm 1986 tại xã Đ, huyện L, tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: xóm C, xã Đ, huyện L, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Lô Lô; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn D1 (đã chết) và bà Châu Thị D2 (đã chết); có vợ: Tô Thị D3, sinh năm 1986 và có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 21/3/2018. Hiện nay đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

*Người bào chữa:* Luật sư Vương Bá A, bào chữa cho bị cáo Nông Văn V và bị cáo Tô Văn T theo quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

*Người phiên dịch tiếng Lô Lô:* Ông Lăng Văn V, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: xóm C, xã Đ, huyện L, tỉnh Cao Bằng;

Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 04/02/2018 tổ công tác huyện L đang tuần tra tại khu 4, thị trấn P, huyện L thì phát hiện 02 đối tượng đang điều khiển phương tiện xe máy phía sau chở 02 bao tải dừa, đi từ hướng N, xuống thị trấn P, L (nghỉ vận chuyển hàng cấm). Tổ công tác truy đuổi để kiểm tra thì hai đối tượng bỏ chạy. Trong đó có 01 đối tượng điều khiển xe máy chạy theo hướng đường liên xã đi K, xã O, huyện L. Khi cách đường quốc lộ 34 khoảng 100m, đối tượng V liền bỏ 02 bao tải xuống đường và quay xe ngược trở lại. Tổ công tác tiến hành kiểm tra hành chính đối với đối tượng V, cách nơi dừng xe máy khoảng 20m phát hiện 01 bao tải màu vàng và 01 bao tải màu trắng dưới lòng đường, bên trong các bao chứa 21 hộp có chữ nước ngoài nghi là pháo, trong đó:

- + 10 hộp kích thước 14cm x 15cm, vỏ màu xanh vàng in hình cây nấm;
- + 01 hộp kích thước 14cm x 15cm, vỏ màu tím in hình ngôi sao xung quanh;
- + 05 hộp kích thước 13cm x 15cm, vỏ màu đỏ vàng xanh;
- + 05 hộp kích thước 13cm x 15 cm, vỏ màu vàng đỏ đen.

Đối tượng V khai nhận: 21 hộp pháo trên là của V mua từ Trung Quốc về để bán kiếm lời, đang trên đường chở đi tìm nơi tiêu thụ thì bị công an phát hiện và bắt quả tang. Tổ công tác đã lập biên bản tạm giữ phương tiện và 21 hộp (nghi là pháo nổ).

Ngày 03/3/2018, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện L tiến hành cân trọng lượng vật chứng và lấy mẫu gửi giám định. Kết quả: 21 hộp tạm giữ khi bắt quả tang đối tượng V có tổng trọng lượng 28kg.

Tại bản kết luận giám định số: 1260 ngày 07/3/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: các mẫu vật gửi giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa pháo nổ, khi đốt có gây tiếng nổ).

Tại cơ quan điều tra, Nông Văn V và Tô Văn T khai nhận: Sáng ngày 31/01/2018, V và T gặp nhau tại quán phở ở khu 3, thị trấn P, L, Cao Bằng, trong khi đang ăn phở có 02 người đàn ông khoảng 25 - 30 tuổi (không biết họ tên địa chỉ) ngồi bên cạnh hỏi địa chỉ của V và T, hỏi về việc muốn mua loại pháo đóng thành từng hộp vuông, bên trong có nhiều ống, khi đốt gây nổ và bay lên cao và tỏa ra ánh sáng nhiều màu sắc, hẹn với V và T có pháo mang xuống quán phở này sẽ gặp nhau, số lượng bao nhiêu đều mua hết với giá 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) một hộp.

Ngày 03/02/2018, V và T gặp nhau ở một khu dân cư thuộc Trung Quốc (không biết địa chỉ cụ thể), thấy có nhiều cửa hàng bán loại pháo đóng thành từng hộp vuông, bên trong có nhiều ống, khi đốt gây nổ và bay lên cao tỏa ra nhiều màu sắc nên đã rủ nhau mua về Việt Nam để bán lại nhằm mục đích kiếm lời. V mua tất cả 15 hộp với số tiền là 1.180.000 đồng, còn T mua 06 hộp pháo với giá 320.000 đồng. Sau đó vận chuyển trái phép qua biên giới Việt Trung bằng xe máy qua cột mốc 547 thuộc địa phận xóm M, xã B, huyện F về xóm C, xã Đ, huyện L.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T đưa cho V 06 hộp pháo nhờ bán hộ. V một mình vận chuyển tất cả 21 hộp đi thị trấn P, huyện L tìm nơi tiêu thụ. Trên đường vận chuyển đã bị tổ công tác công an huyện L phát hiện và bắt quả tang.

Hành vi của Nông Văn V và Tô Văn T đã bị cơ quan Cảnh sát Công an huyện L đề nghị truy tố. Cáo trạng số: 07/CT-VKSBL ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện L để xét xử các bị cáo Nông Văn V và Tô Văn T về tội: “Buôn bán hàng cấm” theo điểm k khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm Nông Văn V và Tô Văn T đều thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như bản cáo trạng đã truy tố.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2018/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên bố các bị cáo phạm tội “Buôn bán hàng cấm”, áp dụng điểm k khoản 2 Điều 190; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nông Văn V 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, xử phạt bị cáo Tô Văn T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt của các bị cáo tính từ ngày 21/3/2018. Về vật chứng vụ án, xử tịch thu phát mại xung công quỹ Nhà nước đối với bị cáo Nông Văn V 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, đã qua sử dụng, màu sơn đen trắng, không có biển kiểm soát, số máy 5C63 – 449100, số khung RLCS5C630 BY 449046, không có yếm, vỏ đã vỡ và lung lay nhiều chỗ, không có gương chiếu hậu, phần cụm đèn phanh và xi nhan đằng sau đã bị vỡ, phanh trước không hoạt động được, không có vỏ hộp xích.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, ngày 20/6/2018, bị cáo Nông Văn V và bị cáo Tô Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nông Văn V, Tô Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã tuyên. Các bị cáo khai nhận do thiếu hiểu biết khi gặp người đàn ông tại quán Phở ở thị trấn L có hỏi mua pháo với giá 150.000đ/ hộp, nên các bị cáo đã sang Trung Quốc mua pháo về bán cho người đàn ông, các bị cáo khai nhận mua pháo với giá 80.000đ/hộp, khi đang trên đường đi bán thì bị bắt giữ. Trong số 21 hộp pháo thì bị cáo V mua 15 hộp, bị cáo T 6 hộp (chỉ bị trả tiền 4 hộp). Các bị cáo thừa nhận mình đã bị truy tố và xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nhưng do nhận thức hạn chế, do bị người đàn ông đó lừa. Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo V kháng cáo bổ sung về vật chứng vụ án là chiếc xe mô tô cấp sơ thẩm đã tịch thu nay bị cáo xin hoàn trả lại, cho rằng chiếc xe này do gia đình mua cho bị cáo làm phương tiện đi lại, tiền mua xe là của gia đình vay mượn, mua lại xe cũ, chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/6/2018, bị cáo Nông Văn V và Tô Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm số: 10/2018/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Cao Bằng đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo V xin giảm hình phạt tù xuống còn 04 năm, bị cáo T xin giảm hình phạt tù xuống còn 03 năm. Đơn kháng cáo của các bị cáo được gửi trong thời hạn kháng cáo, có nội dung đầy đủ theo quy định. Do vậy, đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp. Tại phiên tòa bị cáo V kháng cáo bổ sung về việc yêu cầu được hoàn trả xe máy.

Về nội dung kháng cáo, về tội danh án sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội; tại phiên tòa bị cáo Nông Văn V và Tô Văn T đều giữ nguyên kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về hình phạt, về vật chứng; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Không nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; với hành vi phạm tội của các bị cáo phải bị truy tố, xét xử với hành vi tàng trữ, vận chuyển hàng cấm theo tội danh quy định tại Điều 191 Bộ luật hình sự mới chính xác, vì bản chất vụ án được Công an bắt trong nội địa, do nhận thức hạn chế, các bị cáo lại là người dân tộc thiểu số nên việc khai báo trình bày không được rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hành vi các bị cáo, xử các bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo T mục đích chỉ mua 4 hộp pháo và bị cáo cũng chỉ trả tiền 4 hộp pháo, đến khi bị công an thu giữ bị cáo mới biết có 6 hộp; do vậy trọng lượng 4 hộp pháo chưa đến 06 kg, hành vi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, có trình độ văn hóa, trình độ nhận thức xã hội kém, lạc hậu, số lượng pháo không nhiều. Mong hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm m, phạm tội do lạc hậu để giảm thêm một phần trách nhiệm cho các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giảm nhẹ hình

phạt xử dưới khung hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo V về việc hoàn trả chiếc xe máy.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của luật sư, không có ý kiến gì bổ sung.

Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Khi được nói lời sau cùng: Các bị cáo thấy ân hận hối cải về hành vi phạm tội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có kháng cáo, tại phiên tòa bị cáo V kháng cáo bổ sung; xét đơn kháng cáo của các bị cáo viết trong hạn luật định và thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vào ngày 03/02/2018, Nông Văn V và Tô Văn T gặp nhau ở một khu dân cư thuộc Trung Quốc (không biết địa chỉ cụ thể), các bị cáo đã rủ nhau mua pháo về Việt Nam để bán lại nhằm mục đích kiếm lời. Bị cáo V mua tất cả 15 hộp với số tiền là 1.180.000 đồng, bị cáo T mua 06 hộp pháo với giá 320.000 đồng. Sau đó vận chuyển trái phép qua biên giới Việt Trung bằng xe máy qua cột mốc 547 thuộc địa phận xóm M, xã B, huyện F về xóm C, xã Đ, huyện L. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T đưa cho V 06 hộp pháo nhờ bán hộ, bị cáo V một mình vận chuyển tất cả 21 hộp đi thị trấn P, huyện L tìm nơi tiêu thụ. Trên đường vận chuyển đã bị tổ công tác công an huyện L phát hiện và bắt quả tang vào hồi 00 giờ, ngày 04/02/2018 thu giữ toàn bộ vật chứng. Ngày 03/3/2018, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện L tiến hành cân trọng lượng vật chứng và lấy mẫu gửi giám định. Kết quả: 21 hộp pháo tạm giữ khi bắt quả tang đối tượng Nông Văn V có tổng trọng lượng 28kg. Tại bản kết luận giám định số: 1260 ngày 07/3/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Các mẫu vật gửi giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa pháo nổ, khi đốt có gây tiếng nổ).

Với hành vi nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm k khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo: Hành vi vượt biên giới Việt Nam đi Trung Quốc mua pháo về để bán kiếm lời của các bị cáo là hành vi nghiêm trọng; đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết từ trước, các bị cáo đều có vai trò là người thực hành; các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi; các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số pháo với tổng trọng lượng là 28 kg, trong đó số pháo của bị cáo V là 15 hộp có tổng trọng lượng 20,6 kg, bị cáo T là 06 hộp có trọng lượng 7,4 kg. Tại cấp sơ thẩm các bị cáo chỉ được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ là “Thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy Tòa án huyện L đã căn cứ vào tính chất, mức

độ hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân các bị cáo, áp dụng điểm k khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nông Văn V 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, bị cáo Tô Văn T 05 (năm) năm tù là có căn cứ và chỉ xử phạt ở mức khởi điểm của khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Xét ý kiến của người bào chữa:

Người bào chữa cho rằng bị cáo Tô Văn T chỉ phải chịu trách nhiệm đối với 04 hộp pháo với trọng lượng chưa đến 06 kg nên không cấu thành tội phạm vì thực tế giá bán là 80.000đ/hộp và bị cáo chỉ phải trả 320.000đ (Ba trăm hai mươi nghìn đồng) nhưng do nhầm lẫn của người bán mà bị cáo nhận được 06 hộp pháo. Căn cứ lời khai của bị cáo T tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, về mặt ý thức, bị cáo T khai chỉ mua 04 hộp pháo nhưng do sự nhầm lẫn của người bán, số pháo bị cáo nhận được là 06 hộp. Tuy nhiên, khi nhận pháo, bị cáo cũng không kiểm tra lại mà vận chuyển toàn bộ số pháo này qua biên giới về Việt Nam rồi đưa cho bị cáo Nông Văn V nhờ bán hộ. Hành vi đó của bị cáo đã cấu thành tội buôn bán hàng cấm. Căn cứ vào biên bản phạm tội quả tang do Công an huyện L lập đã thu giữ toàn bộ số vật chứng trên, căn cứ lời khai của bị cáo V thì số pháo thu giữ 06 kg là của bị cáo T tương đương 7,4kg và các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm về số pháo với tổng trọng lượng 28kg. Do vậy, không chấp nhận ý kiến đề nghị của người bào chữa.

Người bào chữa cho rằng hành vi của các bị cáo là tàng trữ, vận chuyển hàng cấm cần được xét xử theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo đều khai nhận cáo bị cáo mua được 21 hộp pháo, trong đó bị cáo V mua được 15 hộp, bị cáo T 6 hộp và bị cáo T đưa cho bị cáo V 06 hộp pháo để bán giúp. Hành vi của các bị cáo cùng nhau mua số pháo trên từ Trung Quốc mang về Việt Nam với mục đích để bán kiếm lời, đang trên đường đi bán thì bị bắt quả tang. Do vậy không chấp nhận ý kiến đề nghị của người bào chữa.

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội do lạc hậu” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự và căn cứ Điều 54 Bộ luật hình sự xử các bị cáo mức án dưới khung hình phạt. Người phạm tội do lạc hậu là những người không hiểu biết pháp luật, mọi xử sự trong xã hội đều theo phong tục, tập quán, tín ngưỡng. Họ có hành vi trái với pháp luật nhưng lại cho rằng hành vi đó phù hợp với lợi ích xã hội, là thành tích của bản thân. Trong vụ án này, bị cáo V, T khai rằng mình không biết việc buôn bán pháo là hành vi bị cấm nhưng việc Nhà nước ta cấm việc buôn bán pháo đã được thực hiện từ rất nhiều năm nay, đặc biệt cứ đến gần dịp tết Nguyên Đán, việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục về cấm buôn bán, vận chuyển, sử dụng pháo càng được đẩy mạnh, nhất là ở những vùng biên giới. Do vậy việc các bị cáo cho rằng mình không biết hành vi buôn bán pháo bị cấm là không có căn cứ. Mặt khác, các bị cáo vì mục đích vụ lợi nên đã sang Trung Quốc mua pháo về để bán, không phải thực hiện hành vi buôn bán pháo theo phong tục, tập quán, tín ngưỡng dân tộc. Do đó, người bào chữa đề nghị Hội

đồng xét xử cho các bị cáo hưởng thêm tình tiết “Phạm tội do lạc hậu” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự là không có căn cứ.

Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; xét thấy căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, các bị cáo phải có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự thì mới đủ điều kiện để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào khác để Hội đồng xét xử xem xét, do vậy không có căn cứ giảm hình phạt cho các bị cáo nên đề nghị không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nông Văn V về vật chứng vụ án, yêu cầu được hoàn trả lại chiếc xe máy cấp sơ thẩm đã tịch thu. Bị cáo cho rằng chiếc xe này nguồn gốc mua là do tiền của gia đình vay mượn mua cho bị cáo làm phương tiện đi lại. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để Hội đồng xét xử xem xét. Xét thấy chiếc xe máy này bị cáo là chủ sở hữu, bị cáo dùng làm phương tiện vận chuyển số pháo đem bán bị bắt quả tang. Xét thấy cấp sơ thẩm xử tịch thu phát mai xung công quỹ Nhà nước phương tiện phạm tội chiếc xe máy trên là có căn cứ, đúng pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn V.

[3] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo là không có căn cứ. Do đó không được chấp nhận

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) sung công quỹ nhà nước.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nông Văn V và Tô Văn T về hình phạt. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn V về xử lý vật chứng vụ án. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2018/HSST ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Cao Bằng.

Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 190; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nông Văn V 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 21/3/2018.

Bị cáo Tô Văn T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 21/3/2018.

2. Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; xử tịch thu phát mại xung công quỹ nhà nước đối với bị cáo Nông Văn V 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, đã qua sử dụng, màu sơn đen trắng, không có biển kiểm soát, số máy 5C63 – 449100, số khung RLCS5C630 BY 449046, không có yếm, vỏ đã vỡ và lung lay nhiều chỗ, không có gương chiếu hậu, phần cụm đèn phanh và xi nhan đằng sau đã bị vỡ, phanh trước không hoạt động được, không có vỏ hộp xích

3. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Nông Văn V, Tô Văn T mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm sung công quỹ nhà nước.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ GDKT I, TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Phòng KTNG&THA;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo
- Người bào chữa;
- Lưu HS;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Biên Hòa**